

Số: /QĐ-UBND-HC

Đồng Tháp, ngày tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, bị bãi bỏ và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý giá thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, bị bãi bỏ và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý giá thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, cụ thể:

1. Thủ tục hành chính ban hành mới: 02 thủ tục;

2. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ: 03 thủ tục.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Ban hành mới 02 thủ tục hành chính cấp Tỉnh và bãi bỏ 03 thủ tục hành chính cấp Tỉnh tại Quyết định số 877/QĐ-UBND-HC ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KS TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Các PCT/UBND Tỉnh;
- Trung tâm Hành chính công Tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC (H).

CHỦ TỊCH

Phạm Thiện Nghĩa

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND-HC ngày tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND-HC ngày tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

PHẦN II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC QUẢN LÝ GIÁ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ QUẢN LÝ NGÀNH, LĨNH VỰC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND-HC ngày tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

1. Tên thủ tục hành chính: Hiệp thương giá

1.1. Trình tự, cách thức, thời gian giải quyết thủ tục hành chính

TT	Trình tự thực hiện	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Ghi chú
Bước 1	Nộp hồ sơ thủ tục hành chính	1. Nộp trực tiếp đến Trung tâm Hành chính công Tỉnh – số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. 2. Hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.	Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc.	
		3. Hoặc nộp trực tuyến tại website cổng Dịch vụ công của tỉnh Đồng Tháp: http://dichvucong.dongthap.gov.vn .	Không quy định (tùy khách hàng)	
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ thủ tục hành chính	Bước 1: Bên mua và bên bán mỗi bên gửi 01 bản chính văn bản đề nghị hiệp thương giá trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Ủy ban nhân dân Tỉnh (thông qua Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh) để phân công cho Sở quản lý ngành, lĩnh vực tổ chức hiệp thương giá. Bước 2: Sở quản lý ngành, lĩnh vực tổ chức rà soát văn bản đề nghị hiệp thương giá trong thời gian tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hiệp thương. - Trường hợp văn bản đề nghị hiệp thương giá đúng quy định, Sở quản lý ngành, lĩnh vực thông báo kế hoạch tổ chức hiệp thương giá, yêu cầu bên mua và bên bán cử người đại diện theo pháp luật (hoặc người được ủy quyền thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật) tham gia hội nghị hiệp thương giá; - Trường hợp văn bản đề nghị hiệp thương giá không đúng quy	Sau khi tiếp nhận hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ chuyển ngay hồ sơ cho phòng chuyên môn phụ trách giải quyết trong buổi làm việc hoặc chậm nhất là đầu buổi làm việc tiếp theo.	

TT	Trình tự thực hiện	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Ghi chú
		định, Sở quản lý ngành, lĩnh vực có văn bản đề nghị các bên bổ sung thông tin về hàng hóa, dịch vụ. Thời hạn đề các bên bổ sung thông tin tối đa 15 ngày làm việc. Bước 3: Trong thời gian tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hiệp thương giá đủ điều kiện theo quy định, Sở quản lý ngành, lĩnh vực tiến hành hiệp thương giá. Bước 4: Tại hội nghị hiệp thương giá, Sở quản lý ngành, lĩnh vực trình bày nội dung hiệp thương giá; giá mua, giá bán đề nghị của bên mua và bên bán đề bên mua và bên bán thương lượng về mức giá. - Trường hợp bên mua và bên bán thỏa thuận được với nhau về mức giá thì Sở quản lý ngành, lĩnh vực lập biên bản theo Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, có chữ ký của đại diện các bên tham gia hiệp thương theo quy định để ghi nhận kết quả hiệp thương giá. Bên mua và bên bán thực hiện mức giá hiệp thương theo quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật Giá. - Trường hợp bên mua và bên bán không thỏa thuận được mức giá và không tiếp tục đề nghị Sở quản lý ngành, lĩnh vực xác định mức giá thì Sở quản lý ngành, lĩnh vực lập biên bản xác nhận theo Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, có chữ ký của đại diện các bên tham gia hiệp thương giá theo quy định. - Trường hợp bên mua và bên bán không thỏa thuận được mức giá và tiếp tục đề nghị Sở quản lý ngành, lĩnh vực xác định mức giá để hai bên thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Luật Giá thì Sở quản lý ngành, lĩnh vực lập biên bản xác nhận theo Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, có chữ ký của đại diện các bên tham gia hiệp thương giá theo quy định. Bước 5: Bộ cơ quan ngang Bộ, Sở quản lý ngành, lĩnh vực tổ chức xác định mức giá hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp quy định tại khoản		

TT	Trình tự thực hiện	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Ghi chú
		5 Điều 27 của Luật Giá. Trường hợp cần thuê tổ chức tư vấn xác định mức giá hàng hóa, dịch vụ, Sở quản lý ngành, lĩnh vực có văn bản thông báo cho bên mua và bên bán để tiến hành các thủ tục thuê tổ chức tư vấn xác định mức giá theo quy định. Ngay sau khi có kết quả xác định mức giá hàng hóa, dịch vụ, tổ chức tư vấn phải gửi kết quả cho Sở quản lý ngành, lĩnh vực, đồng thời gửi cho bên mua và bên bán. Bước 6: Sở quản lý ngành, lĩnh vực ban hành văn bản xác định mức giá gửi cho bên mua và bên bán thực hiện.		
Bước 3	Giải quyết thủ tục hành chính	Sau khi nhận hồ sơ thủ tục hành chính từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả công chức, viên chức xử lý xem xét, thẩm định hồ sơ, trình phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính:	40 ngày , trong đó:	
		1. Tiếp nhận hồ sơ	01 buổi	
		2. Giải quyết hồ sơ	39 ngày	
		Thủ tục hành chính không quy định phải thẩm tra, xác minh hồ sơ, lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, có liên quan	39 ngày	
		+ Ủy ban nhân dân Tỉnh (thông qua Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh) phân công Sở quản lý ngành, lĩnh vực tổ chức hiệp thương. + Trường hợp văn bản đề nghị hiệp thương giá đúng quy định. Sở quản lý ngành, lĩnh vực thông báo kế hoạch tổ chức hiệp thương. + Trường hợp văn bản đề nghị hiệp thương giá không đúng quy định, đề nghị bổ sung hồ sơ. + Tiến hành hiệp thương giá, tổ chức hội nghị hiệp thương giá, ban hành văn bản xác định mức giá.	03 ngày 06 ngày 15 ngày 15 ngày	
Bước 4	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Công chức tiếp nhận và trả kết quả nhập vào sổ theo dõi hồ sơ như sau: - Thông báo cho tổ chức, cá nhân biết trước qua điện thoại đối với	01 buổi	

TT	Trình tự thực hiện	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Ghi chú
		hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trước thời hạn quy định. - Thời gian trả kết quả: Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc.		

1.2. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị hiệp thương giá

b) Số lượng hồ sơ: 01 bản chính

1.3. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

1.4. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở quản lý ngành, lĩnh vực (theo phân công của Ủy ban nhân dân Tỉnh)

1.5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Biên bản hội nghị hiệp thương giá theo Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

- Văn bản xác định mức giá.

1.6. Phí, lệ phí:

Chi phí thuê đơn vị tư vấn xác định mức giá hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp bên mua và bên bán không thỏa thuận được mức giá tại hội nghị hiệp thương giá và tiếp tục đề nghị Cơ quan hiệp thương giá (Sở quản lý ngành, lĩnh vực) xác định mức giá để hai bên thực hiện.

1.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị hiệp thương giá thực hiện theo Mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

1.8. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Hàng hóa, dịch vụ đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 25 của Luật Giá và phù hợp với phạm vi quản lý của Cơ quan hiệp thương giá (Sở quản lý ngành, lĩnh vực) quy định tại khoản 2 Điều 26 của Luật Giá.

- Báo đảm các điều kiện cần thiết cho Cơ quan hiệp thương giá (Sở quản lý ngành, lĩnh vực) để tiến hành xác định mức giá theo quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 13 Nghị định 85/2024/NĐ-CP; cung cấp đầy đủ tài liệu phục vụ cho việc xác định mức giá.

1.9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;
- Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá

1.10. Lưu hồ sơ (ISO):

Thành phần hồ sơ lưu	Bộ phận lưu trữ	Thời gian lưu
- Văn bản đề nghị hiệp thương giá thực hiện theo Mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP: 01 bản chính; - Biên bản hội nghị hiệp thương giá theo Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024. - Văn bản xác định mức giá hiệp thương.	Phòng Quản lý Giá và Công sản	Từ 01 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở Tài chính.

Mẫu số 01: Văn bản đề nghị hiệp thương giá

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số(2).....

V/v đề nghị hiệp thương giá

..., ngày ... tháng ... năm

Kính gửi:(3).....

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số ... ngày ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;(1)..... kính đề nghị.....(3)..... tổ chức hiệp thương giá.....(4)....., cụ thể như sau:

1. Bên mua/Bên bán:.....
2. Tên hàng hóa, dịch vụ đề nghị hiệp thương giá:
3. Quy cách, phẩm chất:
4. Mức giá đề nghị của bên mua/bên bán:
5. Số lượng hàng hóa, dịch vụ đề nghị mua bán:
6. Thời điểm thi hành mức giá:.....
7. Điều kiện thanh toán:

8. Giải trình, thuyết minh hàng hóa, dịch vụ đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 25 Luật Giá và phù hợp với phạm vi của Bộ cơ quan ngang Bộ, Sở quản lý ngành, lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Giá:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị mua hoặc bán:
- Lưu:....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên tổ chức đề nghị hiệp thương giá.
- (2) Số ký hiệu văn bản.
- (3) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hiệp thương giá.
- (4) Tên hàng hóa, dịch vụ đề nghị hiệp thương giá.

Mẫu số 02: Biên bản hội nghị hiệp thương giá

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số(2).....

....., ngày... tháng... năm...

BIÊN BẢN
Hội nghị hiệp thương giá

Hôm nay, vào lúc giờ ngày tháng năm

Tại địa điểm.....

.....(1)..... tổ chức Hội nghị Hiệp thương giá giữa:

Bên mua:.....

Bên bán:.....

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ HỘI NGHỊ HIỆP THƯƠNG GIÁ

1. Cơ quan hiệp thương giá:

- Ông/bà....., Chức vụ:, chủ trì Hội nghị.

- Ông/bà....., Chức vụ:, thư ký hội nghị

- Ông/bà....., Chức vụ:

-

2. Đại diện của Bên mua

- Ông/bà.....Chức vụ.....

- Ông/bà.....Chức vụ.....

-

3. Đại diện của Bên bán:

- Ông/bà.....Chức vụ.....

- Ông/bà.....Chức vụ.....

-

II. NỘI DUNG HỘI NGHỊ HIỆP THƯƠNG GIÁ

.....

III. KẾT LUẬN HỘI NGHỊ HIỆP THƯƠNG GIÁ

.....

Cuộc họp kết thúc vào lúc giờ ngày tháng năm, nội dung cuộc họp đã được các thành viên dự họp thông qua và cùng ký vào biên bản.

Biên bản được các thành viên nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

THƯ KÝ HỘI NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CÁC THÀNH VIÊN KHÁC

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

- (1) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hiệp thương giá.
- (2) Số ký hiệu văn bản.

2. Tên thủ tục hành chính: Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân

2.1. Trình tự, cách thức, thời gian giải quyết thủ tục hành chính

TT	Trình tự thực hiện	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Ghi chú
Bước 1	Nộp hồ sơ thủ tục hành chính	1. Nộp trực tiếp đến Trung tâm Hành chính công Tỉnh – số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. 2. Hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.	Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc.	
		3. Hoặc nộp trực tuyến tại website cổng Dịch vụ công của tỉnh Đồng Tháp: http://dichvucong.dongthap.gov.vn .	Không quy định (tùy khách hàng)	
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ thủ tục hành chính	Bước 1: Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ gửi hồ sơ phương án giá hàng hóa, dịch vụ cho Ủy ban nhân dân Tỉnh (thông qua sở được phân công nhiệm vụ thẩm định phương án giá) có thẩm quyền định giá. Hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ: - Phương án giá được lập theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP. - Văn bản đề nghị điều chỉnh giá của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP. - Trường hợp hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng: phương án giá kèm theo văn bản phê duyệt phương thức đặt hàng của cấp có thẩm quyền, dự toán kinh phí đặt hàng. - Chứng từ hợp pháp (nếu có); - Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật có liên quan về phương pháp định giá hoặc về quản lý hàng hóa, dịch vụ theo lĩnh vực của các bộ, ngành (nếu có).	Sau khi tiếp nhận hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ chuyển ngay hồ sơ cho phòng chuyên môn phụ trách giải quyết trong buổi làm việc hoặc chậm nhất là đầu buổi làm việc tiếp theo.	

TT	Trình tự thực hiện	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Ghi chú
		Bước 2: Thẩm định phương án giá - Ủy ban nhân dân Tỉnh giao cơ quan, đơn vị trực thuộc (theo nguyên tắc phân công quy định tại Điều 10 của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP) thực hiện thẩm định phương án giá. - Trong quá trình thẩm định, trường hợp kiến nghị điều chỉnh giá không hợp lý thì Ủy ban nhân dân Tỉnh trả lời bằng văn bản về việc không điều chỉnh giá cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giá trong tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Trường hợp kiến nghị hợp lý thì tiếp tục thực hiện các bước sau: Bước 3: Trình và ban hành văn bản định giá a) Đối với hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP: Cơ quan được giao thẩm định phương án giá trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản điều chỉnh giá. b) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP: - Ủy ban nhân dân Tỉnh có thẩm quyền định giá cụ thể phê duyệt kết quả thẩm định phương án giá; gửi cơ quan có thẩm quyền định khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu. - Cơ quan có thẩm quyền định khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu thực hiện ban hành văn bản định giá trên cơ sở hồ sơ do cơ quan có thẩm quyền định giá cụ thể gửi. - Sau khi có văn bản định giá tối đa hoặc khung giá hoặc giá tối thiểu, Ủy ban nhân dân Tỉnh có trách nhiệm tổ chức rà soát các thông tin, số liệu tại phương án giá để ban hành văn bản định giá cụ thể. Bước 4: Ủy ban nhân dân Tỉnh gửi văn bản định giá đến tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giá.		

TT	Trình tự thực hiện	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Ghi chú
Bước 3	Giải quyết thủ tục hành chính	Sau khi nhận hồ sơ thủ tục hành chính từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả công chức, viên chức xử lý xem xét, thẩm định hồ sơ, trình phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính:	90 ngày đối với một cấp 150 ngày đối với hai cấp trong đó:	
		<i>1. Tiếp nhận hồ sơ</i>	<i>01 buổi</i>	
		<i>2. Giải quyết hồ sơ</i>		
		- Thủ tục hành chính lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, có liên quan		
		+ Trường hợp kiến nghị điều chỉnh giá không hợp lý thì Ủy ban nhân dân Tỉnh trả lời bằng văn bản về việc không điều chỉnh giá cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giá.	29 ngày	
		+ Trường hợp phức tạp, thời gian bổ sung để thẩm định + Trường hợp kiến nghị hợp lý: . Hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá: UBND Tỉnh ban hành văn bản định giá . Hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá: cơ quan có thẩm quyền định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu ban hành văn bản định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu Sau khi có khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu, cơ quan thẩm định phương án giá rà soát, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành văn bản định giá cụ thể	30 ngày 30 ngày 30 ngày 30 ngày	
Bước 4	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Công chức tiếp nhận và trả kết quả nhập vào sổ theo dõi hồ sơ như sau: - Thông báo cho tổ chức, cá nhân biết trước qua điện thoại đối với hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trước thời hạn quy định. - Thời gian trả kết quả: Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều: từ	<i>01 buổi</i>	

TT	Trình tự thực hiện	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Ghi chú
		13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc.		

2.2. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ: hồ sơ phương án giá và các tài liệu kèm theo

b) Số lượng hồ sơ: 01 bản chính

2.3. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

2.4. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân Tỉnh (Sở quản lý ngành, lĩnh vực rà soát, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định)

2.5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ.

- Trường hợp kiến nghị điều chỉnh giá không hợp lý thì cơ quan có thẩm quyền định giá phải có văn bản trả lời về việc không điều chỉnh giá cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giá.

2.6. Phí, lệ phí: Không có

2.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh giá của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

- Phương án giá hàng hóa, dịch vụ theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

2.8. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Hàng hóa, dịch vụ được đề nghị điều chỉnh giá là hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Luật Giá.

- Các hồ sơ, tài liệu đảm bảo rõ ràng, đầy đủ phục vụ công tác thẩm định và ban hành văn bản định giá.

2.9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;
- Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

2.10. Lưu hồ sơ (ISO):

Thành phần hồ sơ lưu	Bộ phận lưu trữ	Thời gian lưu
- Văn bản đề nghị điều chỉnh giá của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ: 01 bản chính. - Hồ sơ phương án giá và các tài liệu kèm theo: 01 bản chính. - Văn bản điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ: 01 bản chính. - Văn bản trả lời về việc không điều chỉnh giá cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giá trong trường hợp kiến nghị điều chỉnh giá không hợp lý: 01 bản chính.	Phòng Quản lý Giá và Công sản	Từ 01 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở Tài chính.

Văn bản đề nghị điều chỉnh giá của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ

.....(1).....
Số(2).....
V/v đề nghị điều chỉnh giá
hàng hóa, dịch vụ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
..., ngày ... tháng ... năm

Kính gửi:(3).....

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày .../.../2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

1.(1)..... đã lập phương án giá đối với
.....(4)..... theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Phương án giá và các hồ sơ, tài liệu kèm theo văn bản gồm:

.....(5).....

Kính đề nghị(3)..... xem xét thẩm định
phương án giá và ban hành văn bản điều chỉnh giá đối với(4).....
theo quy định hiện hành của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

THỦ TRƯỞNG (LÃNH ĐẠO)
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
LẬP PHƯƠNG ÁN GIÁ
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú:

- (1) Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân lập phương án giá.
- (2) Số ký hiệu văn bản.
- (3) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá trong trường hợp hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá hoặc tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá cụ thể trong trường hợp hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá.
- (4) Tên hàng hóa, dịch vụ chi tiết.
- (5) Danh sách các hồ sơ, tài liệu gửi kèm theo phương án giá.

.....(1).....

Số(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm

PHƯƠNG ÁN GIÁ

Tên hàng hóa, dịch vụ.....

Mô tả về hàng hóa, dịch vụ.....

Đơn vị tính.....

1. Các nội dung chi tiết về việc tính toán giá hàng hóa, dịch vụ:

a) Phương pháp định giá được lựa chọn; thuyết minh chi tiết về cơ sở lựa chọn phương pháp định giá:

.....

b) Bảng tổng hợp thông tin, số liệu theo quy định tại phương pháp định giá:

.....

c) Báo cáo, giải trình chi tiết về các thông tin, số liệu tại phương án giá:

.....

d) Thuyết minh về căn cứ, nguyên tắc định giá:

.....

2. Đề xuất mức giá của hàng hóa, dịch vụ:

.....

3. Giải trình chi tiết các thay đổi về mức giá hàng hóa, dịch vụ đề xuất so với mức giá hiện hành trong trường hợp đề nghị điều chỉnh giá (nếu có):

.....

4. Các nội dung, đề xuất khác (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:...

THỦ TRƯỞNG (LÃNH ĐẠO)
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
LẬP PHƯƠNG ÁN GIÁ
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá.

(2) Số ký hiệu văn bản.

PHẦN III
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ LĨNH VỰC QUẢN LÝ GIÁ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG THÁP

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND-HC ngày tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

T T	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ TTHC	Ghi chú
01	2.002217 .000.00.0 0.H20	Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi cấp Tỉnh	05 ngày làm việc	Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Giá số 11/2012/Q 13 - Điều 6, Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ. - Điều 5, 6, Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023	Luật giá 2023 không quy định việc đăng ký giá
02	STC- QLCS08	Kê khai giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi cấp Tỉnh	05 ngày làm việc	Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Giá số 11/2012/Q 13 - Mục 1, Chương 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; - Mục 5, Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023 - Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá	Luật Giá 2023 có hình thức kê khai giá. Tuy nhiên, Quyết định công khai Bộ TTHC của Bộ Tài chính không có thủ tục này nên địa phương đề xuất bãi bỏ

T T	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ TTHC	Ghi chú
03	STC- QLCS09	Hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền của Sở Tài chính	20 ngày làm việc	Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công	Không	- Điều 8, 9, 10 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 56/2014/ -BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023 - Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá	Bãi bỏ, ban hành mới theo quy trình, biểu mẫu mới